

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Câu 1: Nhóm đất bồi tụ phù sa sông tập trung chủ yếu ở:

- A. Đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long B. Các cao nguyên ở Tây Nguyên
C. Đồng bằng duyên hải miền trung D. Vùng đồi trung du

Câu 2: Hướng chủ yếu của địa hình nước ta là:

- A. Bắc-Nam B. Đông Bắc-Tây Nam C. Tây Bắc-Đông Nam D. Đông -Tây

Câu 3: Nước ta không có khí hậu nhiệt đới khô hạn như một số nước cũng vĩ độ ở Tây Á và Bắc Phi do:

- A. Lãnh thổ trải dài trên 15 vĩ độ B. Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến
C. Nước ta có 2/3 địa hình là đồi núi D. Nước ta chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển

Câu 4: Thời tiết khô nóng do gió Tây thường diễn ra ở miền nào ?

- A. Miền Đông Bắc B. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ
C. Tây Nguyên D. Miền Nam Bộ

Câu 5. Lưu vực sông nào có mùa lũ đến chậm nhất trong các sông sau:

- A. Sông Hồng B. Sông Cả C. Sông Mê Công D. Sông Đồng Nai

Câu 6. Dãy núi ở Việt Nam chạy theo hướng Tây Bắc-Đông Nam là:

- A. Cánh cung Sông Gâm B. Cánh cung Ngân Sơn C. Cánh cung Bắc Sơn D. Hoàng Liên Sơn

Câu 7: Khí hậu Tây Nguyên và Nam bộ mùa hạ có đặc điểm nào?

- A. Nóng, ẩm, mưa nhiều B. Nóng, khô, ổn định C. Mưa, bão vào cuối năm D. Lạnh, hanh khô

Câu 8: Cho bảng số liệu: phân bố dòng chảy tại trạm Sơn Tây (Sông Hồng). Nhận xét nào sau đây là đúng:

| Tháng Chỉ số | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
|-------------------------------------|------|------|-----|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Lưu lượng (m ³ /s) | 1318 | 1100 | 914 | 1071 | 1893 | 4692 | 7986 | 9246 | 6690 | 4122 | 2813 | 1746 |

(Nguồn: SGK Địa lý 8, NXB Giáo dục, 2014)

- A. Mùa lũ bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 5
B. Tháng có lưu lượng nước thấp nhất là tháng 8
C. Có 2 mùa lũ và 2 mùa cạn trong năm
D. Mùa lũ bắt đầu từ tháng 6 đến tháng 10

I. TỰ LUẬN

Câu 1: (2,5 điểm) Trình bày đặc điểm chung của sông ngòi Việt Nam. Thuận lợi và khó khăn của sông ngòi đối với đời sống, sản xuất?

Câu 2: (1 điểm) Em hãy đưa ra 2 giải pháp để bảo vệ tài nguyên động vật ở nước ta?

Câu 3: (2,5 điểm) Cho bảng số liệu: Cơ cấu các nhóm đất chính của nước ta (Đơn vị; %).

Vẽ biểu đồ thích hợp và nhận xét biểu đồ ?

| Nhóm đất | Tỉ lệ |
|-----------------------------|-------|
| Đất feralit đồi núi thấp | 65 |
| Đất mùn núi cao | 11 |
| Đất phù sa | 24 |

(Nguồn: SGK Địa lý 8, NXB Giáo dục, 2014)

(Nguồn: SGK Địa lý 8, NXB Giáo dục, 2014)

-----HẾT-----

-----000-----

(Đề thi có 02 trang, thí sinh được sử dụng tập bản đồ địa lý 8 và Atlas-NXB giáo dục)

PHÒNG GD & ĐT TP HẠ LONG HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ II
Trường THCS Lý Tự Trọng NĂM HỌC 2020-2021

MÔN ĐỊA LÝ 8 (Đề lẻ)

| Câu | Đáp án | Biểu điểm | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----------------------|---|-----------|---|---|---|---|---|---|---|---|--------|---|---|---|---|---|---|---|---|-------------------------------|
| I. Trắc nghiệm | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | <table border="1"><thead><tr><th>Câu</th><th>1</th><th>2</th><th>3</th><th>4</th><th>5</th><th>6</th><th>7</th><th>8</th></tr></thead><tbody><tr><th>Đáp án</th><td>A</td><td>C</td><td>D</td><td>B</td><td>B</td><td>D</td><td>D</td><td>B</td></tr></tbody></table> | Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | Đáp án | A | C | D | B | B | D | D | B | Mỗi đáp án đúng được 0,5 điểm |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | | | | | | | | | | | |
| Đáp án | A | C | D | B | B | D | D | B | | | | | | | | | | | | |
| II. Tự luận | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Câu 1 | Trả lời: * Trình bày đặc điểm chung của sông ngòi Việt Nam - Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp trên cả nước. + Số lượng: 2360 con sông, 93% là sông nhỏ và ngắn. + Sông lớn: S. Hồng; S. Mekong(Cửu Long) | 0,5 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Sông ngòi nước ta chảy theo hai hướng chính là TB-ĐN và vòng cung. + Hướng TB-ĐN: S.Hồng, S.Đà, S.Tiền, S.Hậu + Hướng vòng cung: S.Lô, S.Gâm, S.Cầu, S.Thương, S.Lục Nam. | 0,5 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | - Sông ngòi nước ta có hai mùa nước: mùa lũ và mùa cạn khác nhau rõ rệt. | 0,5 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

| | | |
|-------|---|--|
| | Mùa lũ: lượng nước tới 70%- 80% lượng nước cả năm. | |
| | - Sông ngòi nước ta có lượng phù sa lớn. + Hàm lượng phù sa trung bình: 233g/m ³ + Tổng lượng phù sa: 200 tr tấn/năm | 0,5 |
| | * Những thuận lợi và khó khăn của sông ngòi đối với đời sống, sản xuất. - Sông ngòi nước ta có giá trị to lớn về nhiều mặt: giao thông, thủy điện, thủy lợi, bồi đắp phù sa, phục vụ sinh hoạt, du lịch. | 0,25 |
| | - Khó khăn: gây lũ lụt phá hoại nhà cửa, mùa màng, phát sinh dịch bệnh do ô nhiễm môi trường ảnh hưởng xấu đến đời sống, sản xuất của người dân. | 0,25 |
| Câu 2 | -Không săn bắt các động vật quý hiếm | Mỗi biện pháp 0,5 điểm.HS đưa ra biện pháp khác hợp lý vẫn cho điểm. |
| | -Không đánh bắt các loại động vật vào mùa sinh sản | |
| | -Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, các vườn quốc gia | |
| Câu 3 | *Vẽ biểu đồ: -Vẽ đúng dạng biểu đồ tròn. -Đầy đủ tên biểu đồ, chú giải, ký hiệu (thiếu mỗi ý trừ 0,25 điểm) | 1,5 |
| | *Nhận xét: -Trong ba nhóm đất chính của nước ta, chiếm tỉ trọng cao nhất là đất feralit đồi núi thấp (65%), tiếp đó là đất phù sa (24%) và sau đó là đất mùn núi cao (11%). | 1 |

| Nội dung | Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | | | Tổng điểm |
|---------------------------------------|-----------|--|---|---|---------------|--|--------------|----|---------------------------------------|
| | TL | TN | TL | TN | Vận dụng thấp | | Vận dụng cao | | |
| | | | | | TL | TN | TL | TN | |
| Đặc điểm chung của địa hình Việt Nam | | Biết được đặc điểm chung của địa hình Việt Nam | | | | | | | |
| Số câu: Số điểm: Tỷ lệ: % | | Số câu:2 Số điểm:1 Tỷ lệ:100% | | | | | | | Số câu:2 Số điểm:1 Tỷ lệ:100% |
| Đặc điểm chung của khí hậu Việt Nam | | Biết được đặc điểm chung của khí hậu Việt Nam | | Giải thích được đặc điểm của khí hậu nước ta. | | | | | |
| Số câu: Số điểm: Tỷ lệ: % | | Số câu:2 Số điểm:1 Tỷ lệ:50% | | Số câu:1 Số điểm:0,5 Tỷ lệ:50% | | | | | Số câu:3 Số điểm:1,5 Tỷ lệ:100% |
| đặc điểm chung của sông ngòi Việt Nam | | Biết được một số đặc điểm của sông ngòi các miền nước ta | Trình bày được đặc điểm chung của sông ngòi Việt Nam. Thuận lợi và khó khăn của sông ngòi đối với đời sống, sản | | | Phân tích được bảng số liệu sông ngòi. | | | |

| | | | | | | | | | |
|--|--|--|--------------------------------------|-------------------------------------|--|--------------------------------------|--|--|---------------------------------------|
| | | | xuất. | | | | | | |
| Số câu: Số điểm: Tỷ lệ:% | | Số câu:1 Số điểm:0,5 Tỷ lệ:15% | Số câu:1 Số điểm:2,5 Tỷ lệ:70% | | | Số câu:1 Số điểm:0,5 Tỷ lệ:15% | | | Số câu:3 Số điểm:3,5 Tỷ lệ:100% |
| đặc tính, sự phân bố và giá trị kinh tế của các nhóm đất chính | | Biết được đặc tính, giá trị của tài nguyên đất | | | Nhận biết được dạng biểu đồ thích hợp và nhận xét biểu đồ. | | | | |
| Số câu: Số điểm: Tỷ lệ:% | | Số câu:1 Số điểm:1 Tỷ lệ:30% | | | Số câu:1 Số điểm:2,5 Tỷ lệ:70% | | | | Số câu:2 Số điểm:3,5 Tỷ lệ:100% |
| đặc điểm chung của sinh vật Việt Nam | | | | | | | Đưa ra 2 giải pháp để bảo vệ tài nguyên động vật ở nước ta | | |
| Số câu: Số điểm: Tỷ lệ:% | | | | | | | Số câu:1 Số điểm:1 Tỷ lệ:100% | | Số câu:1 Số điểm:1 Tỷ lệ:100% |
| Tổng | | Số câu:6 Số điểm:3,0 Tỷ lệ:30% | Số câu:1 Số điểm:2,5 Tỷ lệ:25% | Số câu:1 Số điểm:0,5 Tỷ lệ:5% | Số câu:1 Số điểm:2,5 Tỷ lệ:25% | Số câu:1 Số điểm:0,5 Tỷ lệ:5% | Số câu:1 Số điểm:1 Tỷ lệ:10% | | Số câu:11 Số điểm:10 Tỷ lệ:100% |